

BIẾN ĐỔI NHẬN THỨC VỀ ĐẠO HIẾU: NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC

Cao Thị Hải Bắc*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 14 tháng 03 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 31 tháng 05 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 05 năm 2018

Tóm tắt: Dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa cũng như toàn cầu hóa, nhiều giá trị gia đình ngày nay đang dần bị biến đổi, trong đó có đạo hiếu. Sự biến đổi nhận thức về đạo hiếu không chỉ được biểu hiện ở thế hệ con cái mà còn từ chính quan niệm của các bậc cha mẹ. Thực trạng này đã và đang diễn ra khá mạnh mẽ ở cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc. Vốn là hai quốc gia châu Á có nhiều nét tương đồng về văn hóa và lịch sử trong suốt chiều dài phát triển, Việt Nam và Hàn Quốc có nhiều điều kiện thuận lợi để chia sẻ, học hỏi lẫn nhau trong việc giải quyết vấn đề xã hội chung này. Tuy nhiên, hiện nay, những nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và Hàn Quốc về biến đổi giá trị gia đình nói chung và biến đổi nhận thức về đạo hiếu nói riêng vẫn còn tương đối hạn chế. Do vậy, bài viết này sẽ tổng hợp và phân tích các nghiên cứu đi trước, so sánh các số liệu để làm nổi bật những biểu hiện cụ thể cũng như những điểm tương đồng và khác biệt của sự biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu của thế hệ con cái và thế hệ cha mẹ trong xã hội Việt Nam và Hàn Quốc.

Từ khóa: đạo hiếu, dân chủ hóa, phụng dưỡng cha mẹ, so sánh Việt Nam và Hàn Quốc

1. Đặt vấn đề

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường sau dấu mốc 1986, Việt Nam đã và đang chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt. Một trong những thay đổi phải kể đến là sự biến đổi của các giá trị gia đình, trong đó nổi cộm nhất là vấn đề biến đổi nhận thức về đạo hiếu. Ở Hàn Quốc, bước sang những năm 1980 là thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển mạnh mẽ, nhiều người cũng bắt đầu cảm nhận rõ gia đình của họ đang thay đổi từ hình thái đến thiết chế cũng như các hệ giá trị.

Gia đình là một tế bào thu nhỏ và hạt nhân quan trọng của xã hội. Bởi vậy, mọi sự thay

đổi trong xã hội đều tác động không nhỏ đến mỗi gia đình và ngược lại. Tức là, khi các hệ giá trị trong gia đình bị thay đổi, nó sẽ nhanh chóng biểu hiện ra ngoài xã hội và có thể tác động đến nhận thức của toàn xã hội theo nhiều chiều. Do vậy, để kịp thời dự báo và điều chỉnh nhận thức xã hội thì nghiên cứu về sự biến đổi các giá trị gia đình là vô cần thiết đối với cả Việt Nam và Hàn Quốc, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Nghiên cứu so sánh người Việt Nam và người Hàn Quốc về chủ đề này lại càng cần thiết hơn trong bối cảnh quan hệ hợp tác - phát triển 25 năm giữa hai quốc gia ngày càng được thắt chặt và đạt nhiều thành tựu tốt đẹp. Từ những kết quả so sánh, Việt Nam và Hàn Quốc sẽ nhìn thấy rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong các

* ĐT.: 84-914990281

Email: haibac86@gmail.com

vấn đề của hai dân tộc để cùng học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau trong việc giải quyết các vấn đề đó.

Việt Nam và Hàn Quốc là hai trong nhiều quốc gia châu Á chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng Nho giáo, đặc biệt là tư tưởng đề cao đạo hiếu. Không Tử đã từng nói “Chữ Hiếu lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu... Cha mẹ lúc còn sống phải theo lễ mà đối xử phụng sự. Cha mẹ chết phải theo lễ mà an táng, theo lễ mà cúng tế” (Không Tử, 2006: 127). Tư tưởng đề cao đạo hiếu này đã ngấm sâu vào mỗi người dân Việt Nam qua từng câu ca dao như: “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, Một lòng thờ mẹ kính cha, Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Người Hàn Quốc cũng luôn tâm niệm “Hiếu thuận là gốc rễ của trăm hành vi”. Ở Hàn Quốc, ngày 8 tháng 5 được coi là “ngày của bố mẹ”, được tổ chức qui mô lớn nhằm bày tỏ sự biết ơn và tôn kính đối với công ơn của bố mẹ. Vào ngày này, tất cả mọi người sẽ tìm về với bố mẹ mình, ngực cài bông hoa cẩm chướng đỏ, biểu tượng cho sự trường tồn, vĩnh cửu. Trong dịp lễ trọng đại này, người Hàn Quốc cũng thường cùng nhau hát “Bài ca mừng ngày bố mẹ” và bài “Tâm lòng của mẹ” với nội dung ca ngợi công ơn sinh thành, dưỡng dục to lớn của cha mẹ cũng như những lời răn dạy con cái luôn luôn phải ghi nhớ và đền đáp công ơn đó (Lee Gi Tae, 2013: 87-88). Gần giống với Hàn Quốc, trong ngày lễ Vu Lan của người Việt, những ai còn mẹ thì cài bông hồng đỏ, những ai mất mẹ thì cài bông hồng trắng để tưởng nhớ đến công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

Như vậy, từ xa xưa, đạo hiếu đã trở thành một trong những tư tưởng đạo đức quan trọng nhất trong cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc với những biểu hiện tương đồng như kính trọng, phụng dưỡng cha mẹ lúc còn sống, thờ cúng cha mẹ khi khuất núi. Thờ cúng cha mẹ cũng được hiểu rộng là thờ cúng tổ tiên. Đạo

hiếu nói chung và nghi lễ thờ cúng tổ tiên nói riêng đã được qui định thành chế độ khen thưởng cho những ‘hiếu tử’ và trừng phạt với những kẻ ‘bất hiếu’. Ở Việt Nam, trong luật hương hỏa triều Lê đã qui định “Ruộng hương hỏa, dù con cháu nghèo khó cũng không được đem bán trái pháp luật, có người tố cáo phải ghép vào tội bất hiếu”. Ở Hàn Quốc, các chế độ thưởng phạt với những người trung hiếu và kẻ bất hiếu cũng được qui định rõ ràng trong luật từ thời Koryo. Đặc biệt, đến thời Choseon, các nghi lễ gia đình, trong đó có đạo hiếu còn được biên soạn thành sách giáo khoa với nội dung như sau: *Những nghi lễ trong gia đình bao gồm cả những ngày lễ tổ tiên cũng được hệ thống hóa thành cấu trúc xã hội và những quan niệm đạo đức như hiếu, trung đã được xây đắp như bản phận sống hàng ngày* (dẫn theo Trần Thị Thu Lương, 2016: 268).

Tuy nhiên, bước vào thời đại công nghiệp hóa, toàn cầu hóa, nhận thức cũng như cách thức thể hiện đạo hiếu đang dần thay đổi trong cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc. Bức tranh chung của sự thay đổi này là đạo hiếu đang được nhìn nhận và thực hiện bớt khắt khe hơn, thậm chí ở một góc độ nào đó có thể nói là bị xem nhẹ hơn so với quan niệm truyền thống. Cách thức thể hiện đạo hiếu cũng được thực hiện một cách lỏng lẻo và đối phó hơn. Ở Việt Nam, chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam 2005 – 2010 đã nhận định “Các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình như hiếu nghĩa, kính trên nhường dưới đang có biểu hiện xuống cấp... Việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới...” (Hoàng Bá Thịnh, 2008: 22). Bên cạnh đó, cuộc sống của người Hàn Quốc ngày nay cũng đang bị phân hóa đến mức khó có thể sống theo kiểu lấy gia đình làm trung tâm, dẫn đến nảy sinh nhiều mâu thuẫn xã hội như nên hay không nên thực hiện tế tự tổ tiên? Người con nào sẽ có trách nhiệm nuôi bố mẹ già? v.v... (Lee Gi Tae, 2013: 89).

Thấy rõ những biến đổi chung trong nhận thức về đạo hiếu, khoảng 10 năm trở lại đây, biến đổi gia đình và giá trị gia đình là một chủ đề thu hút được nhiều sự quan tâm ở Việt Nam, không chỉ trong ngôn luận mà còn trong nghiên cứu học thuật. Tại Hàn Quốc khoảng 15 năm gần đây, khi làn sóng di cư và kết hôn quốc tế trở thành vấn đề xã hội nổi bật thì các phương tiện truyền thông đại chúng cũng như nhiều học giả đã bắt đầu bàn nhiều đến sự biến đổi của gia đình truyền thống. Tuy nhiên, những nghiên cứu so sánh giữa người Việt Nam và người Hàn Quốc về chủ đề biến đổi gia đình nói chung và biến đổi nhận thức về đạo hiếu nói riêng vẫn còn tương đối hạn chế. Những nghiên cứu tiêu biểu về biến đổi gia đình Việt Nam có thể kể đến như Lê Ngọc Văn (2004), Vũ Tuấn Huy (2006), Hoàng Bá Thịnh (2005, 2008), Lâm Ngọc Như Trúc (2008), Nguyễn Hữu Minh (2015, 2016), Nguyễn Thị Thọ và Lê Công Sự (2016), Trần Thị Minh Thi (2016) v.v... Bên cạnh đó là các nghiên cứu nổi bật về biến đổi gia đình Hàn Quốc như Park Kyeong Suk (2008), Eun Ki Soo (2008), Lee Ki Tae (2011), Kim Choong Soon (2014), Kim Hye Yeong (2014), Hwang Cheong Mi (2014), Park Hye Kyeong (2014), Lee Seo-Ni (2014), Kang I Soo (2014), Yoon Myeong Chun và Hwang Hye Bom (2014), Nguyễn Thị Thắm (2016) v.v... Đáng chú ý là hướng tiếp cận so sánh sự biến đổi gia đình của người Việt Nam và người Hàn Quốc mới chỉ dừng lại ở một số nghiên cứu như Nguyễn Quý Thanh (2005), Nguyễn Quý Thanh và Cao Thị Hải Bắc (2012), Cao Thị Hải Bắc (2017), Trần Thị Thu Lương (2016) v.v...

Nhóm nghiên cứu thứ nhất đã đề cập đến những biến đổi đa dạng của gia đình Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa như phân công lao động trong gia đình và bình đẳng giới, hình thái, chức năng, các giá trị của gia đình, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình v.v... Tuy nhiên, các nghiên cứu phân tích hệ thống

và chuyên sâu về sự biến đổi các giá trị gia đình chiếm tỷ trọng còn hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu chỉ thường tập trung phân tích các giá trị gia đình như quan niệm về hôn nhân, ly hôn, bình đẳng giới. Các nghiên cứu bàn sâu đến biến đổi nhận thức về đạo hiếu còn chưa nhiều.

Tương tự như vậy, phần lớn các nghiên cứu thuộc nhóm thứ hai cũng chỉ tập trung tìm hiểu về sự biến đổi hình thái gia đình và một số giá trị gia đình của người Hàn Quốc như quan niệm về hôn nhân, ly hôn, sống chung trước hôn nhân, vai trò giới mà chưa đề cập nhiều đến sự biến đổi quan niệm về đạo hiếu. Đặc biệt, những nghiên cứu so sánh về sự biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu của người Việt Nam và người Hàn Quốc vẫn còn nhiều khoảng trống.

Ở nhóm thứ ba, phần lớn các tác giả chỉ đề cập sơ lược hoặc gián tiếp đến giá trị gia đình thông qua việc so sánh một hay một vài khía cạnh liên quan. Chẳng hạn như Nguyễn Quý Thanh (2005) so sánh về các hỗ trợ kinh tế của gia đình người Hàn và người Việt cho các thành viên khi khởi nghiệp hay phát triển mô hình kinh doanh để từ đó khẳng định giá trị gắn kết giữa các thành viên trong gia đình về kinh tế. Trong khi đó, Nguyễn Quý Thanh và Cao Thị Hải Bắc (2012) lại so sánh giá trị gia đình của người Hàn Quốc và người Việt Nam thông qua tính gia trưởng, tính tôn ty thứ bậc. Bên cạnh đó, Cao Thị Hải Bắc (2017) đã so sánh giá trị gắn kết gia đình của người Việt Nam và người Hàn Quốc thông qua các số liệu định lượng về quan hệ cho và nhận các giúp đỡ giữa các thành viên trong gia đình. Hay như Trần Thị Thu Lương (2016) đã đề cập đến sự tương đồng và khác biệt trong ứng xử xã hội giữa Việt Nam và Hàn Quốc thông qua tiếp thu và tiếp biến hệ giá trị Nho giáo Trung Quốc, trong đó có giá trị đạo hiếu.

Nắm được khoảng trống của các nghiên cứu đi trước, sử dụng phương pháp tổng hợp

và phân tích tài liệu, bài viết này lựa chọn cách tiếp cận so sánh để tìm ra những điểm giống và điểm khác về sự biến đổi nhận thức về đạo hiếu của người Việt Nam và người Hàn Quốc trong thời kì toàn cầu hóa. Hai câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: (1) Những biểu hiện biến đổi trong nhận thức của con cái về đạo hiếu đang thay đổi như thế nào trong gia đình Việt Nam và Hàn Quốc?; (2) Nhận thức về đạo hiếu của cha mẹ người Việt và người Hàn ngày nay có gì giống và khác so với truyền thống?

2. Biến đổi nhận thức của con

Nhìn từ góc độ người làm con, một trong những biểu hiện căn bản và quan trọng để thể hiện chữ hiếu với cha mẹ là thái độ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc xế chiều. Phụng dưỡng được hiểu là sự chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần. Trong xã hội Việt Nam và Hàn Quốc truyền thống, việc phụng dưỡng cha mẹ được nhận thức là phẩm chất đạo đức cao quý, đồng thời là bổn phận, trách nhiệm đương nhiên hay niềm vinh dự của con cháu, đặc biệt là con và cháu trưởng. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, nhận thức đó đang dần thay đổi.

Biến đổi đầu tiên có thể dễ dàng nhận thấy ở cả Việt Nam và Hàn Quốc là thái độ thiếu ý thức chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ.

Xét trường hợp Việt Nam, ngày nay việc phụng dưỡng cha mẹ không còn được nhận thức là trách nhiệm chung của tất cả các thành viên trong gia đình. Cuộc khảo sát 200 học viên là cán bộ lãnh đạo quản lý đang học tập tại Trung tâm Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh về trách nhiệm chăm sóc người cao tuổi (NCT) trong gia đình do Tổng cục dân số và kế hoạch hóa gia đình Việt Nam tiến hành năm 2012 cũng chỉ ra một vài con số đáng suy ngẫm. Khi được hỏi “Đồng chí có trách nhiệm chăm sóc người cao tuổi trong gia đình không?”, có 175 cán

bộ (87,5%) trả lời là có và 25 cán bộ (12,5%) trả lời là không. Như vậy, phần lớn đối tượng được khảo sát vẫn đang nhận thức khá tốt về giá trị của đạo hiếu. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận coi trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ không phải là trách nhiệm của bản thân với nhiều lý do được đưa ra như: NCT tự lực cánh sinh được, có người khác hỗ trợ về kinh tế cho NCT, đã có người thân khác trong gia đình chăm sóc NCT, đã có người giúp việc, đã có nhân viên trung tâm cộng đồng, NCT có thể sống ở nhà dưỡng lão v.v... (Dẫn theo Nguyễn Thị Mỹ Trang và Trần Bích Hằng, 2012: 20-25). Kết quả khảo sát này cho thấy rõ nhận thức về đạo hiếu đang biến đổi. Trong xã hội Việt Nam ngày nay đã bắt đầu xuất hiện những nhận thức lệch lạc về chữ hiếu. Việc chăm sóc cha mẹ già không còn được nhận thức là trách nhiệm chung của tất cả các con mà bị i lại cho nhau và phó mặc cho người ngoài như người giúp việc hay các tổ chức cộng đồng. Tuy phần lớn thế hệ con cháu người Việt vẫn nhận thức đúng đắn về đạo hiếu nhưng sự xuất hiện các biểu hiện nhận thức lệch lạc dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ vẫn đang đặt ra nhiều quan tâm và suy ngẫm cho xã hội khi tỷ lệ nhận thức không đúng này đang ngày càng có xu hướng tăng lên.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu về thực trạng bạo lực gia đình đối với NCT tại 3 tỉnh Phú Yên, Quảng Trị và Đắk Lắk của Viện Nghiên cứu Người cao tuổi Việt Nam cũng cho thấy 90% số người được hỏi cho biết đã từng bị con cháu bỏ rơi, không được chăm sóc, 50% người già bị con cái đe dọa nhốt trong nhà. Ngoài ra, ở một nghiên cứu khác của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiến hành năm 2011, kết quả khảo sát 600 NCT Việt Nam từ 60 tuổi trở lên tại 6 xã, phường của 3 tỉnh Đắk Lắk, Phú Yên và Quảng Trị cho thấy 8,3% bị đe dọa, nhốt trong nhà và 15% bị con cái bỏ rơi, không chăm sóc (dẫn theo Hoàng Thúc Lân, 2014: 75).

Một minh chứng khác từ cuộc điều tra quốc gia năm 2012 về NCT cho thấy khoảng 54% NCT có cuộc sống thoải mái về tinh thần, thể chất. Trong số những người có trạng thái không thoải mái, đặc biệt là trạng thái cô đơn và thất vọng về cuộc sống thì phụ nữ cao tuổi thường chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới cao tuổi. Vợ/chồng và con cái là những người mà NCT hay chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tuy vậy gần 32% NCT không thể chia sẻ với ai khi buồn chán (Nguyễn Quốc Anh, 2016).

Những số liệu trên đã nói lên thực trạng đáng buồn về sự vi phạm đạo hiếu ở một số gia đình hiện nay. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mô hình gia đình hạt nhân ngày càng phổ biến. Nhiều cha mẹ phải chấp nhận một thực tế là con cái kết hôn không chung sống cùng cha mẹ. Hiện tượng người già cô đơn, sống xa con cháu ngày càng gia tăng, đặc biệt ở đô thị. Ở không ít gia đình, con cháu bận rộn với công việc cá nhân khiến người già cô đơn, không nơi nương tựa. Thậm chí, nhiều con cháu còn từ chối, trốn tránh trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ để dồn hết trách nhiệm cho người giúp việc hoặc nhà dưỡng lão. Tội tệ hơn, cũng có những trường hợp khinh bỉ, vô lễ, đánh đập ông bà, cha mẹ. Ngoài sự suy đồi về ý thức đạo đức của một số cá nhân thì nguyên nhân quan trọng dẫn đến hành vi vi phạm trách nhiệm này chính là sự đề cao thái quá chủ nghĩa cá nhân trong gia đình cũng như xã hội Việt Nam hiện đại. Có thể nói, từ sau chính sách mở cửa, hội nhập năm 1986, người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ được tôn trọng và phát huy tối đa quyền tự chủ, tự do, tự quyết trong mọi vấn đề liên quan đến cá nhân. Ở góc độ nào đó, biểu hiện này là xu hướng tích cực làm phát triển cá nhân và xã hội nhưng ở góc độ khác lại tạo ra một lối sống ích kỉ khá nguy hại. Sự ích kỉ khiến thế hệ con cháu chỉ quan tâm đến sở thích và lợi ích cho bản thân mà dễ quên đi nguồn cội hay không cần để ý đến

các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp đã tạo nên phẩm chất riêng của con người Việt Nam ngày nay. Do vậy, thiết nghĩ, song song với khẩu hiệu đề cao chủ nghĩa cá nhân cần phải tuyên truyền, giáo dục sâu sắc hơn nữa các giá trị gia đình nói chung và giá trị đạo hiếu nói riêng cho giới trẻ Việt Nam hiện nay.

Cũng giống xã hội Việt Nam, sự biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu của người Hàn Quốc đang có những biểu hiện rõ rệt, điển hình là thái độ né tránh phụng dưỡng cha mẹ. Cục thống kê Hàn Quốc đã tiến hành khảo sát qui mô lớn về thực trạng chăm sóc người cao tuổi trên toàn quốc năm 2014 trên 1000 đối tượng từ 20 đến 64 tuổi đóng vai trò là người chịu trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già. Kết quả khảo sát cho thấy rõ thái độ của người Hàn với trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ già đang biến đổi. Tỷ lệ người được hỏi xác định trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già thuộc về các con trong gia đình có xu hướng giảm từ 89,9% năm 1998 xuống 40,7% năm 2008 và chỉ còn 31,7% năm 2014. Trái lại, tỷ lệ người cho rằng trách nhiệm này thuộc về xã hội và các thành phần khác có xu hướng tăng rõ rệt từ 2,0% lên 47,4% và đạt đến 51,7% tương ứng với 3 mốc thời gian trên.

Bên cạnh đó, năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc đã tiến hành điều tra toàn dân về nhận thức và giá trị quan của người Hàn Quốc. Kết quả cho thấy, phẩm chất đạo đức bị thiếu nhất với thanh thiếu niên hiện nay là thái độ biết quan tâm đến người khác (55,4%) và tinh thần trách nhiệm (17%). Khi được hỏi ‘Bản thân nhận thấy có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ hay không?’ thì 58,7% trả lời là có. Đáng chú ý là tỷ lệ này giảm 16,2% so với năm 2008 với tỷ lệ trả lời có là 74,9% và giảm 16,9% so với năm 2006 với tỷ lệ trả lời có là 74,9% 75,6% (김대균, 2013: 38-39).

Như vậy, hiện tượng mai một, suy giảm trong nhận thức, trách nhiệm về phụng dưỡng

cha mẹ cũng đã và đang hiện hữu trong xã hội Hàn Quốc. Thậm chí, các số liệu thống kê của cả Việt Nam và Hàn Quốc nêu trên đã phản ánh khá rõ ràng mức độ suy giảm nhận thức về phụng dưỡng cha mẹ trong xã hội Hàn Quốc có vẻ nghiêm trọng hơn so với xã hội Việt Nam.

Biến đổi thứ hai là cảm giác vinh dự, quan niệm đương nhiên chuyển thành cảm giác gánh nặng khi phải phụng dưỡng cha mẹ.

Kể từ sau năm 1986, tốc độ già hóa dân số của Việt Nam đang có xu hướng tăng dần. Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kì tháng 1 năm 2014 của Tổng cục thống kê, nhóm tuổi từ 60 đến 64 đã tăng mạnh từ 2,29% năm 2004 lên 3,0% năm 2014. Đặc biệt, nhóm tuổi trên 65 cũng tăng đáng kể từ 6,6% lên 7,1% trong 10 năm (2004-2014). Chỉ số già hóa dân số của Việt Nam năm 2014 là 43,3%, tăng 25,1% chỉ trong 25 năm (1989 – 2014). Thực trạng này còn đáng báo động hơn ở Hàn Quốc khi chỉ trong vòng 5 năm, chỉ số già hóa dân số tăng 27,1% từ 68,0% năm 2010 lên 95,1% năm 2015 (Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2015, Tổng cục thống kê Hàn Quốc). Thực tế này đã và đang đặt ra một thách thức lớn về chăm sóc NCT cho không chỉ các thành viên gia đình mà còn cả xã hội.

Theo kết quả khảo sát 480 NCT từ 60 tuổi trở lên ở nông thôn và đô thị tỉnh Ninh Bình và tỉnh Tiền Giang của Trần Thị Minh Thi (2016), nhóm NCT dưới 69 tuổi sống chủ yếu dựa vào sức lao động của bản thân lao động, lương hưu của nhà nước và hỗ trợ từ con cái. Khi ở tuổi ngoài 80, gần 50% người cao tuổi sống dựa hoàn toàn vào con cái, đặc biệt là những trường hợp sống ở nông thôn không có trợ cấp từ xã hội và chỉ khoảng 25% người cao tuổi sống nhờ lương hưu. Trong số 70,2% đối tượng khảo sát phải nhận hỗ trợ kinh tế từ con cái, 31,7% phải nhận thường xuyên và 38,5% phải nhận ở mức thi thoảng. Một phát

hiện khác từ cuộc khảo sát này là nếu so sánh trường hợp cha mẹ và con cái sống riêng và trường hợp sống chung thì trường hợp sống chung sẽ giúp NCT nương tựa được về kinh tế, sản xuất vào con cái hơn những trường hợp sống riêng (dẫn theo Trần Thị Minh Thi, 2016: 44-46).

Bên cạnh đó, theo Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, có khoảng 1/3 số hộ có NCT là hộ nghèo, vì vậy việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già trong hộ là thực sự khó khăn trong điều kiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước còn ít. Đối với nhiều hộ gia đình, chi phí chữa bệnh cho người cao tuổi là một gánh nặng kinh tế, vì việc chi trả cho các dịch vụ y tế thường cao hơn rất nhiều so với thu nhập của họ. Ngoài ra, còn những khó khăn khác như: con cái bị tàn tật, đau yếu, công việc của con cái không ổn định, nhà neo người... Trong điều kiện đó, sự trợ giúp của Nhà nước thông qua những hình thức khác nhau (bảo hiểm, trợ cấp tuổi già, v.v.) nhằm giảm bớt sự phụ thuộc về mặt vật chất của người cao tuổi đối với con cháu có ý nghĩa rất quan trọng (dẫn theo Nguyễn Hữu Minh, 2015: 57).

Một bằng chứng khác cho thấy gánh nặng chăm sóc cha mẹ già là kết quả khảo sát 50 người cao tuổi huyện Triệu Sơn về công tác chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng vào tháng 4 năm 2015 do Tổ chức Hỗ trợ Quốc tế Người cao tuổi phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thanh Hóa thực hiện. Kết quả cho thấy 20,7% NCT nhận giúp đỡ từ thành viên gia đình (giảm mạnh so với năm 2014 với 50%), 22% nhận từ tình nguyện viên và hỗ trợ viên (tăng cao so với năm 2014 là 2,2%). Đáng chú ý là năm 2015, chăm sóc từ hàng xóm chiếm một tỷ trọng khá cao (28%) trong khi năm 2014 không có sự chăm sóc này. Có thể coi đây là một minh chứng cho thấy ảnh hưởng và hiệu quả của chăm sóc NCT dựa vào cộng đồng. Bên cạnh đó, tỷ lệ NCT sử dụng

các dịch vụ chăm sóc dựa vào cộng đồng từ 3 lần trở lên trong một năm tăng rõ rệt từ năm 2014 (26,3%) đến năm 2015 (52,3%) (dẫn theo Phương Hương, 2015: 74-75).

Như vậy, trước thực trạng già hóa dân số ngày càng trầm trọng, thế hệ con cháu người Việt đang cảm thấy gánh nặng cả về vật chất lẫn tinh thần khi phải phụng dưỡng cha mẹ già. Cảm giác gánh nặng này có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (do nhận thức) và nguyên nhân khách quan (do điều kiện hạn chế) nhưng không thể phủ nhận rằng nguyên nhân chủ quan do nhận thức lệch lạc ngày càng được biểu hiện rõ rệt. Từ cảm giác gánh nặng đó, thế hệ con cháu đang có xu hướng gửi gắm, thậm chí i lại vào sự giúp đỡ của cộng đồng trong việc chăm sóc cha mẹ. Điều này có thể nhận thấy rõ qua sự sụt giảm mạnh của tỷ lệ NCT nhận chăm sóc từ gia đình của năm 2015 so với năm 2014 trong khảo sát tại huyện Triệu Sơn nêu trên. Nhìn ở một góc độ nào đó, việc xuất hiện các cá nhân hay tổ chức cộng đồng tình nguyện chăm sóc người cao tuổi là một tín hiệu tốt trong công tác phúc lợi xã hội của một quốc gia cũng như công tác tuyên truyền nâng cao đạo đức xã hội. Tuy nhiên, nhìn ở góc độ hẹp hơn của gia đình thì có thể nhận thấy rằng nhận thức cũng như cách thức thể hiện đạo hiếu của thế hệ trẻ Việt Nam thông qua việc trực tiếp chăm sóc cha mẹ già đang ngày càng bị mai một.

Trong xã hội hiện đại, thế hệ con cháu người Hàn Quốc cũng có cảm giác gánh nặng về kinh tế khi phải phụng dưỡng cha mẹ. Theo Eun Ki Su (2013: 73), trung bình cứ 6 người Hàn Quốc trong độ tuổi lao động phải phụng dưỡng 1 người cao tuổi và dự báo đến năm 2060 thì tỷ lệ này sẽ là 1:1.

Theo kết quả cuộc khảo sát 1000 đối tượng của Cục thống kê Hàn Quốc về thực trạng chăm sóc người cao tuổi trên toàn quốc năm 2014 nêu trên, 56,7% đang phụng dưỡng

cha mẹ về mặt kinh tế. Trung bình tỷ trọng chi phí phụng dưỡng cha mẹ chiếm trong tổng thu nhập mỗi gia đình là 9,7%. Con cái càng lớn tuổi thì qui mô chi phí phụng dưỡng càng giảm. Đáng chú ý là thái độ của người trả lời đối với mức chi này. Chỉ có 19,6% trả lời không gặp bất cứ gánh nặng nào về tài chính trong việc phụng dưỡng cha mẹ già. 55,8% trả lời rằng vẫn có khả năng gánh vác được, tức là họ thuộc trường hợp có khả năng kinh tế vừa đủ hoặc đôi lúc gặp khó khăn nhưng vẫn có thể vượt qua được. Trong khi đó, 24,6% là tỷ lệ cũng không nhỏ trả lời rằng cảm thấy gánh nặng về kinh tế khi phải chăm sóc cha mẹ già (Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, 2014).

Một cuộc điều tra khác của Viện nghiên cứu sức khỏe xã hội Hàn Quốc tiến hành năm 2015 với cỡ mẫu là 262 cha mẹ từ 40 đến 64 tuổi có con đã trưởng thành từ 25 tuổi trở lên. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ càng là con trưởng thì trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ càng lớn. Cụ thể, năm 2015, bình quân chi phí phụng dưỡng cha mẹ già mà một trưởng nam phải chi trả là 47,6% và mức chi này đối với một trưởng nữ là 28,7%. Trong khi đó, nếu là thứ nam và thứ nữ, mức chi này sẽ thấp hơn lần lượt là 33,9% và 26,5%. Khi được hỏi về những khó khăn gặp phải trong quá trình phụng dưỡng cha mẹ thì 48,4% là tỷ lệ áp đảo lựa chọn khó khăn về chi phí phụng dưỡng, 18,2% lựa chọn khó khăn vì phải thường xuyên đến thăm hỏi và giúp cha mẹ làm việc nhà, 8,6% cảm thấy bị hạn chế trong công việc và sinh hoạt ngoài xã hội do phải dành thời gian chăm sóc cha mẹ, cuối cùng là 8,1% cảm thấy gánh nặng khi phải chăm sóc cha mẹ do mâu thuẫn giữa các anh chị em trong gia đình (김유경 외, 2015).

Có thể tóm tắt những điểm tương đồng và khác biệt về nhận thức của thế hệ con cháu người Việt Nam và người Hàn Quốc đối với đạo hiếu trong bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. So sánh biến đổi nhận thức về đạo hiếu của thế hệ con cháu người Việt Nam và người Hàn Quốc

		Việt Nam	Hàn Quốc
Tương đồng	Truyền thống	- Chữ Hiếu lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, là bổn phận đương nhiên - Hiếu thuận là gốc rễ của trăm hành vi	
	Hiện đại	- Quan niệm về đạo hiếu bớt khắt khe hơn, thậm chí bị xem nhẹ - Thái độ từ chối, trốn tránh trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ - Cảm giác gánh nặng khi phải phụng dưỡng cha mẹ	
Khác biệt		- Mức độ và biểu hiện biến đổi ở giai đoạn manh nha	Mức độ và biểu hiện biến đổi ở giai đoạn rõ nét và trầm trọng hơn

Như vậy, nhìn chung, phần lớn thế hệ con cháu người Việt Nam và người Hàn Quốc vẫn nhận thức khá tốt về đạo hiếu. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là xã hội có thể làm ngơ trước những biểu hiện nhận thức lệch lạc về đạo hiếu của một số ít cá nhân ngày nay. Tỷ lệ nhận thức lệch lạc này hiện đang chiếm tỷ lệ nhỏ hơn nhưng sẽ gia tăng nhanh chóng nếu không có sự định hướng và lên tiếng của toàn xã hội. Cuộc sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng tính cạnh tranh mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã khiến thế hệ trẻ phải bận rộn hơn, mải mê hơn trong vòng quay cơm áo gạo tiền. Đây chính là lý do khách quan khiến nhiều người không có đủ điều kiện về thời gian, công sức, vật chất, tinh thần v.v... để chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng trong thời đại đề cao tính dân chủ và chủ nghĩa cá nhân, thế hệ con cháu dường như chỉ biết sống cho bản thân nhiều hơn và có xu hướng ỉ lại việc chăm sóc cha mẹ cho người khác như người giúp việc hay cộng đồng. Đây là một thực trạng chung đang diễn ra ở cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc. Tuy nhiên, xét về mức độ biểu hiện thì dường như thực trạng này đậm nét và trầm trọng hơn trong xã hội Hàn Quốc. Hàn Quốc là một quốc gia phát triển đi trước Việt Nam nhiều bước với tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiến xa hơn Việt Nam nhiều lần. Do

vậy, lối sống công nghiệp, tính dân chủ và chủ nghĩa cá nhân cũng được biểu hiện rõ và được đề cao hơn so với xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, trong khi chế độ phúc lợi xã hội và hệ thống trung tâm chăm sóc người cao tuổi của Hàn Quốc ngày càng phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng thì ở Việt Nam vấn đề này vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Tuy nhiên, chính những điều kiện xã hội nêu trên đã khiến cho giới trẻ Hàn Quốc ngày càng có những biểu hiện tiêu cực hơn trong nhận thức về đạo hiếu so với giới trẻ Việt Nam. Điều này đặt ra nhiều suy ngẫm cho chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc để kịp thời xây dựng các chính sách nhằm khắc phục thực trạng này.

3. Biến đổi nhận thức của cha mẹ

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo ra sự biến đổi trong nhận thức và lối sống của toàn thể xã hội, không chỉ với giới trẻ mà còn với người cao tuổi. Do vậy, ngày nay, nhiều bậc cha mẹ cũng có những nhận thức khác truyền thống về đạo hiếu. **Sự biến đổi nhận thức đầu tiên của các bậc cha mẹ về đạo hiếu được thể hiện ở thái độ đối với việc sống chung hay sống riêng với con cái.** Thông thường, quan hệ giữa cha mẹ già và con cái đã trưởng thành là quan hệ tương hỗ lẫn nhau nhưng cũng có những trường hợp cha mẹ dù cao tuổi nhưng vẫn thích sống độc lập với con

cái. Vậy xu hướng nào đang phổ biến trong xã hội Việt Nam và Hàn Quốc?

Ở Việt Nam, Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy 51,5% NCT muốn sống chung cùng con cháu, đặc biệt là NCT ở nông thôn và các nhóm có thu nhập thấp. Trong đó, 67,7% muốn sống chung với con trai. Lý do muốn sống chung là để cha mẹ và con cái có thể giúp đỡ lẫn nhau, muốn duy trì đạo lý gia đình và vui vầy bên con cháu v.v... 95,9% số người là con sống riêng có về thăm cha mẹ (mức độ về thăm ở thành thị thường xuyên hơn nông thôn). 47,3% số thành viên sống xa gia đình đã gửi tiền và hiện vật về giúp đỡ cha mẹ, trong đó thành thị có tỷ lệ người gửi tiền về cao hơn nông thôn (54% và 45,4%). Những khi vui buồn, 37,5% NCT cho biết họ thường trò chuyện với vợ hoặc chồng của mình, 24,8% tâm sự, trò chuyện với con cái và 12,5% tâm sự với bạn bè, hàng xóm (Điều tra gia đình Việt Nam 2006: 38-39).

Như vậy, ở Việt Nam, các bậc cha mẹ ở nông thôn hay thuộc nhóm thu nhập thấp thường giữ quan niệm truyền thống về đạo hiếu hơn so với các bậc cha mẹ ở thành thị hay thuộc nhóm thu nhập cao. Hay nói cách khác, càng là nhóm cha mẹ có khả năng độc lập về kinh tế, sức khỏe càng có nhận thức mở hơn về đạo hiếu. Những cha mẹ thuộc nhóm này thường không quá khắt khe với việc phải sống chung cùng con cái. Với họ, mặc dù sống riêng nhưng thường xuyên về thăm hay hỏi thăm cha mẹ qua các phương tiện thông tin hay gửi tiền, hiện vật cho cha mẹ cũng là những cách thể hiện đạo hiếu được chấp nhận. Trong thời đại công nghiệp hóa bận rộn, nhìn ở góc độ nào đó, nhận thức cởi mở này của nhiều bậc cha mẹ được coi là quan điểm tích cực thể hiện sự cảm thông và chia sẻ khó khăn cùng con cháu. Nhưng dựa trên các số liệu của cuộc Điều tra gia đình Việt Nam 2006 nêu trên thì không thể

phủ nhận rằng dù sống riêng hay sống chung cùng con cháu thì xu hướng chung vẫn là người cao tuổi Việt Nam đang nhận được ít sự quan tâm, chăm sóc từ con cái về mặt tinh thần. Điều này phản ánh một thực trạng hiện nay là con cái hầu như không có thời gian để tâm sự hay trò chuyện cùng cha mẹ (24,8%).

Hàn Quốc cũng đang gặp phải thực trạng tương tự như Việt Nam. Theo khảo sát năm 2004 của tổng cục thống kê Hàn Quốc, hình thái gia đình của những người già trên 65 tuổi đã biến đổi mạnh mẽ từ năm 1980 đến năm 2000. Cụ thể, năm 1980 có 84,9% NCT trên 65 sống cùng con cái thì đến năm 2000, tỷ lệ này chỉ còn là 53,8% (dẫn theo Park Kyung Suk, 2008: 173).

Một điều tra khác của Cục thống kê Hàn Quốc năm 2011 cho biết tỷ lệ người già trên 65 tuổi không sống cùng con cái trưởng thành chiếm 63,8% ở khu vực đô thị và 79,1% ở khu vực nông thôn. Lý do không sống cùng con cái khá đa dạng. Trong đó, lý do nói rằng cảm thấy thoải mái hơn khi sống riêng với con cái chiếm tỷ lệ cao nhất với 38% ở khu vực đô thị. Trái lại, ở nông thôn, lý do không sống chung vì con cái phải đi học hay đi làm xa nhà chiếm tỷ lệ cao nhất với 30%. Tiếp đến là lý do cho rằng sợ trở thành gánh nặng cho con cái chiếm tỷ lệ 22% ở đô thị và 20% ở nông thôn (dẫn theo Eun Ki Su, 2013: 76).

Từ những số liệu khảo sát nêu trên có thể thấy ở cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc ngày nay đang xuất hiện ngày càng nhiều trường hợp con cái sống riêng, không sống cùng với cha mẹ. Có thể nói đây là một trong những yếu tố dẫn đến sự biến đổi trong cách thức thể hiện đạo hiếu với cha mẹ. Tuy nhiên, trong khi các bậc cha mẹ người Việt có xu hướng muốn sống chung cùng con cái rõ nét hơn (51,5%) thì các bậc cha mẹ người Hàn lại có xu hướng muốn sống độc lập với con cái nhiều hơn (63,8% ở đô thị và 79,1% ở nông thôn). Đáng chú ý là trong số các lý do không muốn sống chung cùng

con cái của cha mẹ người Hàn thì ngoài lý do có khả năng tự chủ về kinh tế, sức khỏe nên muốn được sống độc lập, thoải mái như một số cha mẹ thành thị ở Việt Nam thì các lý do quan trọng khác được đưa ra là vì con đi học, đi làm xa và sợ trở thành gánh nặng cho con. Điều này có nghĩa là trong thái độ không muốn sống chung cùng con cái của cha mẹ người Hàn đang ẩn chứa một tâm lý buộc phải chấp nhận với sự thay đổi của điều kiện xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hay nói cách khác, sự biến đổi nhận thức về đạo hiếu, cụ thể với việc sống chung hay sống riêng cùng con cái của các bậc cha mẹ người Hàn chịu sự tác động sâu sắc của hoàn cảnh xã hội.

Biến đổi thứ hai trong nhận thức của cha mẹ về đạo hiếu là thái độ dân chủ với con cái. Nhìn ở góc độ nào đó, dân chủ thái quá chính là một trong những yếu tố khiến con cái thể hiện đạo hiếu một cách lỏng lẻo hơn. Như đã đề cập ở phần đặt vấn đề, theo quan niệm Nho giáo về đạo hiếu, “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” hay “Trên bảo dưới phải nghe” là những nguyên tắc bất biến trong xã hội. Tức là, mọi hành vi trái lời cha mẹ đều bị coi là bất hiếu. Do vậy, trong xã hội phong kiến, cha mẹ luôn giữ một thái độ quyền uy và độc đoán với con cái. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, chủ nghĩa cá nhân đang được đề cao hơn bao giờ hết kéo theo những những thay đổi trong nhận thức của nhiều bậc cha mẹ về tính dân chủ và cách thức thể hiện chữ hiếu.

Nghiên cứu năm 2016 về “Biến đổi tích cực của đạo hiếu ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Thọ và Lê Công Sự đã nhìn nhận vấn đề tính dân chủ giữa cha mẹ và con cái trong các gia đình Việt Nam hiện đại ở góc độ tích cực. Với sự xuất hiện ngày càng phổ biến của mô hình gia đình hạt nhân và sự đề cao chủ nghĩa cá nhân, nhiều vấn đề trong gia đình Việt Nam ngày nay đều được giải quyết trên nguyên tắc dân chủ có sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên trong gia đình. Thậm chí,

nhiều bậc cha mẹ sẵn sàng tôn trọng nguyện vọng sống riêng, tự lập của các con đã trưởng thành nhưng chưa kết hôn. Một biểu hiện dễ thấy khác của tính dân chủ trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái là thái độ của cha mẹ với việc hôn nhân và sinh sản của các con. Thay vì tư tưởng áp đặt hôn nhân và gây áp lực cho con cái phải sinh nhiều con, đặc biệt là con trai thì ngày nay nhiều bậc cha mẹ để con cái tự quyết định các vấn đề riêng của mình mà chỉ đóng vai trò là người tham gia, góp ý (Nguyễn Thị Thọ và Lê Công Sự, 2016: 76-77).

Mặt khác, tác giả Hoàng Thúc Lâm (2014) lại nhìn vấn đề dân chủ hóa giữa cha mẹ và con cái trong xã hội Việt Nam ngày nay như một hồi chuông đáng báo động. Sự dân chủ thái quá đã khiến cho một bộ phận lớp trẻ Việt Nam hình thành và phát triển lối sống vị kỷ, thờ ơ, hời hợt, thiếu quan tâm đến cha mẹ. Nhiều người i lại vào các phương tiện truyền thông như điện thoại, internet để hỏi thăm cha mẹ thay vì trò chuyện mặt giáp mặt. Thái độ chấp nhận dân chủ hóa thái quá này của cha mẹ đã góp phần làm tăng nguy cơ đẩy họ vào sự cô đơn, trống trải (Hoàng Thúc Lâm, 2014: 74).

Thực trạng này cũng đã và đang xảy ra trong xã hội Hàn Quốc. Theo điều tra khảo sát của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Hàn Quốc năm 2013, trái với quan hệ mang tính quyền uy rõ rệt giữa nhà tuyển dụng và người lao động, quan hệ giữa cha mẹ và con cái được coi là mối quan hệ mang tính dân chủ nhất trong xã hội. 65,7% người được hỏi đồng ý với nhận định này, trong khi đó, số người trả lời rằng quan hệ giữa cha mẹ và con cái ở Hàn Quốc thể hiện rõ tính quyền uy chỉ chiếm 34,3% (남형도, 2014: 44-45).

Đến đây, có thể tóm tắt những điểm tương đồng và khác biệt trong nhận thức về đạo hiếu của cha mẹ người Việt Nam và Hàn Quốc trong bảng 2 như sau.

Bảng 2. So sánh biến đổi nhận thức về đạo hiếu của cha mẹ người Việt Nam và Hàn Quốc

		Việt Nam	Hàn Quốc
Tương đồng	Truyền thống	- Con cái phải sống chung cùng cha mẹ (đặc biệt là con trai trưởng) - Quan hệ cha mẹ - con cái mang tính quyền uy + Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy + Trên bảo dưới phải nghe	
	Hiện đại	- Quan niệm về sống chung hay sống riêng bớt khắt khe hơn, thậm chí nhiều bậc cha mẹ thích sống riêng. - Quan hệ cha mẹ - con cái dân chủ hơn	
Khác biệt		Xu hướng truyền thống muốn sống chung cùng con cái rõ nét hơn	Xu hướng hiện đại muốn sống riêng cùng con cái rõ nét hơn

Không thể phủ nhận rằng tốc độ phát triển nhanh và mạnh của nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, toàn cầu hóa đã khiến cho nhiều giá trị gia đình, trong đó có giá trị đạo hiếu bị biến đổi. Ở các nước đã phát triển như Hàn Quốc, các biểu hiện biến đổi này đã được cảm nhận rõ từ những năm 1980 trở lại đây. Còn ở Việt Nam, mặc dù chính sách mở cửa đã bắt đầu từ năm 1986 nhưng qui mô và tốc độ phát triển vẫn đi sau Hàn Quốc. Do vậy, sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại vẫn đang là xu hướng phát triển dễ nhận thấy nhất trong xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, như một qui luật tất yếu, khi xã hội càng phát triển, yếu tố truyền thống càng có nguy cơ bị mai một nếu chúng ta không có ý thức bảo tồn. Khoảng gần 10 năm trở lại đây kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, tốc độ phát triển kinh tế nhanh hơn kéo theo nhiều giá trị truyền thống bị biến đổi rõ hơn. Trong đó, một số biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu đã xuất hiện và bắt đầu thu hút được sự quan tâm của ngôn luận cũng như các học giả. Vậy, vấn đề cấp thiết đang được đề mở cho toàn xã hội là phải làm gì để khắc phục những biến đổi tiêu cực và phát huy những biến đổi tích cực một cách kịp thời và hiệu quả trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau giữa các quốc gia có nhiều đặc điểm tương đồng.

4. Kết luận

Bài viết đã trả lời được đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra. Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu của nhiều nghiên cứu đi trước, tác giả bài viết đã chứng minh được một thực trạng đang diễn ra ở cả xã hội Việt Nam và Hàn Quốc. Đó là sự biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu của người Việt Nam và người Hàn Quốc. Sự biến đổi này không chỉ được biểu hiện ở thế hệ con cái mà còn xuất phát từ nhận thức của các bậc cha mẹ. Về phía con cái, điểm tương đồng giữa người Việt và người Hàn là sự biến đổi từ thái độ trách nhiệm đương nhiên cùng cảm giác vinh dự thành thái độ trốn tránh trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ và cảm giác gánh nặng khi phải phụng dưỡng cha mẹ. Về phía cha mẹ, sự biến đổi từ thái độ quyền uy hay quan niệm phải sống chung với con cái thành thái độ dân chủ và quan niệm cởi mở muốn sống độc lập với con cái cũng là điểm tương đồng giữa cha mẹ người Việt và người Hàn. Điểm khác biệt chủ yếu nằm ở mức độ biểu hiện của những biến đổi này. Theo đó, càng là những quốc gia có tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển nhanh và mạnh như Hàn Quốc, mức độ biểu hiện của những biến đổi trong nhận thức về đạo hiếu càng rõ nét và nghiêm trọng hơn. Ngoài ra, lối sống

dân chủ và chủ nghĩa đề cao cá nhân cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thực trạng này. Việt Nam là quốc gia đang phát triển đi sau Hàn Quốc nên mức độ biểu hiện của những biến đổi trên đang ở giai đoạn manh nha. Tuy nhiên, với nhiều nét tương đồng về văn hóa cũng như lịch sử phát triển xã hội, Việt Nam và Hàn Quốc có nhiều điều kiện thuận lợi để giao lưu, học hỏi lẫn nhau trong việc giải quyết các vấn đề xã hội chung, trong đó có vấn đề tìm giải pháp hiệu quả nâng cao nhận thức đúng đắn về đạo hiếu trong thời hiện đại.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Nguyễn Quốc Anh (2016). Chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi. *Tạp chí Dân số phát triển*, 1(177).
- Cao Thị Hải Bắc (2017). Một vài so sánh về đặc điểm vốn xã hội của người Việt Nam và người Hàn Quốc. *Tạp chí Đông Bắc Á*, 2(192), 63-74.
- Vũ Tuấn Huy (2006). Những vấn đề của gia đình Việt Nam trong quá trình biến đổi xã hội theo xu hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. *Tạp chí Xã hội học*, 2(94), 13-20.
- Phương Hương (2015). Chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng: Một mô hình phù hợp và hiệu quả. *Tạp chí Dân số phát triển*, 7(171), 31-37.
- Kim Choong Soon (2016). *Hàn Quốc - Văn hóa, con người*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Hoàng Thúc Lâm (2014). Đạo hiếu trong gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 10(83), 70-75.
- Lee Gi Tae (2013). *Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Thị Thu Lương (2016). *Đặc trưng văn hóa Việt Nam, Hàn Quốc - Tương đồng và khác biệt*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Hữu Minh (2015). Gia đình Việt Nam sau 30 năm đổi mới. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 11(96), 51-59.
- Khổng Tử (2006). *Tứ thư*. tr.127.
- Tổng cục Thống kê (2006). *Điều tra gia đình Việt Nam*. tr. 38-39.
- Tổng cục Thống kê (2014). *Điều tra dân số và nhà ở giữa kì tháng 1 năm 2014*.

- Nguyễn Quý Thanh, Cao Thị Hải Bắc (2012). Quan hệ xã hội và vốn xã hội: nghiên cứu so sánh Việt Nam và Hàn Quốc. *Tạp chí Xã hội học*, 3(119), 35-45.
- Nguyễn Quý Thanh (2005). Sự giao thoa giữa vốn xã hội với các giao dịch kinh tế trong gia đình, So sánh gia đình Việt Nam và gia đình Hàn Quốc. *Tạp chí Xã hội học*, 2, 108-121.
- Nguyễn Thị Thắm (2016). *Xã hội Hàn Quốc - Truyền thống và Biến đổi*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Hoàng Bá Thịnh (2008). Một số vấn đề về giới và gia đình Việt Nam trong quá trình phát triển. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Các vấn đề văn hóa xã hội của Việt Nam và Hàn Quốc đương đại* (tr.19-34), tháng 8 năm 2008. Hà Nội.
- Trần Thị Minh Thi (2016). Hỗ trợ kinh tế giữa người cao tuổi và con cái trong gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12(109), 43-54.
- Nguyễn Thị Thọ, Lê Công Sự (2016). Biến đổi tích cực của đạo hiếu ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 10(107), 74-77.
- Nguyễn Thị Mỹ Trang, Trần Bích Hằng (2012). Nhận thức của cán bộ lãnh đạo quản lý về chăm sóc người cao tuổi trong gia đình. *Tạp chí Dân số phát triển*, 11(140), 21-27.
- Lâm Ngọc Như Trúc (2008). Công nghiệp hóa và sự biến đổi của gia đình Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Việt Nam học lần III*. Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2008.
- Lê Ngọc Văn (2004). *Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nxb Ủy ban dân số gia đình và trẻ em.

Tiếng Hàn

- 김유경 외 (2015), 가족형태 다변화에 따른 부양체계 변화전망과 공사 간 부양분담 방안. 한국보건사회연구원.
- 황정미 (2014). 가족, 국가, 재생산, 가족과 친밀성의 사회학. 서울: 다산출판사.
- 김혜영 (2014). 가족의 위기와 가족정책, 가족과 친밀성의 사회학. 서울: 다산출판사.
- 김대균 (2013). 2013 한국인의 의식. 가치관 조사 결과 발표. 문화체육관광부, 38쪽.
- 이선이 (2014). 현대사회의 부모 - 자녀 관계, 가족과 친밀성의 사회학. 서울: 다산출판사.
- 박혜영 (2014). 가족과 페미니즘, 가족과 친밀성의 사회학. 서울: 다산출판사.
- 강이수 (2014). 일-생활 균형과 가족, 가족과 친밀성의 사회학. 서울: 다산출판사.
- 남형도 (2014). 한국인의 가치관조사를 통해 알아 본 대한민국의 변화방향. 위클리공감, 239호, 39-44.
- 2014 인구주택총조사. 한국 통계청.
- 2015 인구주택총조사. 한국 통계청.

Tiếng Anh

Park Kyeong Suk (2008). Korea women's life-course and self perceptions: Isomorphism of "Family centeredness". International Conference *Contemporary Vietnam and Republic of Korea - A Glimpse from both sides* (pp.197-224), August 2008. Hoa Binh, Vietnam.

Eun Ki Soo (2008). Changing family value in Korea from a comparative perspective. International Conference *Contemporary Vietnam and Republic of Korea - A Glimpse from both sides* (pp.59-84), August 2008. Hoa Binh, Vietnam.

CHANGES OF FILIAL PIETY: A COMPARATIVE STUDY OF VIETNAMESE AND KOREAN SOCIETIES

Cao Thi Hai Bac

*Faculty of Korean Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Under the influence of the industrialization and globalization era, many family values are being transformed, including the value of filial piety. Conceptual transformation of filial piety not only occurs among offsprings, but also in the minds of parents, which has been relatively prevalent in both Vietnamese and Korean societies with so many similarities in culture and history of social development. Such similarities enable the two countries to share and learn from each other in solving social problems. However, comparative studies between Vietnam and Korea on the change of family values in general and the changing perceptions of piety in particular still have many gaps. Realizing this drawback, this paper will synthesize and analyze existing studies as well as comparing data to show specific manifestations, similarities and differences of conceptual changes in filial piety among Vietnamese and Korean children and parents.

Keywords: filial piety, democracy, caring for parents, comparative study of Vietnamese and Korean